

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 20756
	Ngày: 15/08/14
	Chuyển: N/A
	Lưu hồ sơ số:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-24



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su, chế biến và kinh doanh các loại cao su, nông sản, thức ăn gia.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	Phó chủ tịch
Ông Lê Cao Thương	Thành viên (từ nhiệm vào ngày 11 tháng 4 năm 2014)
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên
Ông Hà Phú Quý	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trong yếu tố công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông LÊ VĂN LỢI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2014

Số : TNRUB/014.HCM.2014-SX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty") lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày trên. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của ban giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cao su Thống Nhất đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.




NGUYỄN THỊ THANH
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0185-2013-038-1


PHẠM THỊ VÂN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 1830-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		194.699.354.110	218.933.694.083
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	134.949.233.153	139.520.497.552
Tiền	111		34.949.233.153	29.520.497.552
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	110.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu	130	4.2	11.169.853.233	25.165.693.988
Phải thu khách hàng	131		12.827.054.837	27.060.328.310
Trả trước cho người bán	132		491.000.000	79.394.993
Các khoản phải thu khác	135		2.788.798.396	2.962.970.685
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4.937.000.000)	(4.937.000.000)
Hàng tồn kho	140	4.3	19.791.031.137	32.540.022.404
Hàng tồn kho	141		20.834.271.560	32.540.022.404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.043.240.423)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.789.236.587	11.707.480.139
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.4	6.713.578.099	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.5	11.230.970.854	11.012.610.246
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	844.687.634	694.869.893
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		126.823.825.773	129.132.227.577
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		99.779.125.396	101.841.349.864
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	62.518.350.964	65.674.606.991
Nguyên giá	222		123.272.733.188	127.112.967.614
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.754.382.224)	(61.438.360.623)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.8	37.260.774.432	36.166.742.873
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư dài hạn khác	258	4.9	26.811.175.704	26.811.175.704
Tài sản dài hạn khác	260		233.524.673	479.702.009
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	233.524.673	479.702.009
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		321.523.179.883	348.065.921.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		26.058.120.364	31.848.800.986
Nợ ngắn hạn	310		26.058.120.364	31.848.800.986
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	247.426.902	247.426.902
Phải trả cho người bán	312	4.12	3.072.131.751	3.828.597.534
Người mua trả tiền trước	313	4.12	632.600.000	632.600.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.5	2.255.921.420	2.199.448.190
Phải trả công nhân viên	315		-	6.922.027.999
Chi phí phải trả	316	4.13	15.121.447.308	12.422.842.004
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	2.092.609.014	2.054.639.070
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	2.635.983.969	3.541.219.287
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		295.465.059.519	316.217.120.674
Vốn chủ sở hữu	410	4.16	295.465.059.519	316.217.120.674
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		71.123.106.879	65.243.925.382
Quỹ dự phòng tái chính	418		14.104.995.493	12.531.062.057
Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.736.957.147	45.942.133.235
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		321.523.179.883	348.065.921.660

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngoại tệ các loại			
- USD	4.1	2.509,83	2.507,25

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc

Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		30.864.660.946	73.472.321.492
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	30.864.660.946	73.472.321.492
Giá vốn hàng bán	11	5.2	30.296.012.080	63.679.234.815
Lợi nhuận gộp	20		568.648.866	9.793.086.677
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	8.709.940.546	7.425.152.193
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.4	93.895.743	79.053.737
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	4.572.369.500	3.010.876.725
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		4.612.324.169	14.128.308.408
Thu nhập khác	31	5.6	10.879.616.028	33.786.148.927
Chi phí khác	32	5.7	2.304.175.636	18.048.780.457
Lợi nhuận khác	40		8.575.440.392	15.737.368.470
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.187.764.561	29.865.676.878
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	1.924.947.504	4.582.797.932
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.262.817.057	25.282.878.946
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	585	1.313

Chưa

nhuật



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc
Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	13.187.764.561	29.865.676.878
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.445.737.217	3.363.402.213
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.043.240.423	(1.129.898.999)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.206.755.631)	(23.091.111.228)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	469.986.570	9.008.068.864
Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09	13.835.495.236	(33.964.320.860)
Giảm hàng tồn kho	10	11.705.750.844	2.973.025.605
Giảm các khoản phải trả	11	(5.416.305.811)	(11.911.684.689)
Tăng chi phí trả trước	12	(6.467.400.763)	(10.077.542.154)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.316.303.135)	(264.017.503)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(6.068.530.374)	(8.177.691.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.742.692.567	(52.414.161.737)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ	21	(3.398.361.708)	(4.608.643.350)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	10.496.085.418	21.293.048.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.547.968.324	7.425.152.193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.645.692.034	14.109.556.843
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.959.649.000)	(38.418.873.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.959.649.000)	(38.418.873.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(4.571.264.399)	(76.723.478.394)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	139.520.497.552	197.671.943.817
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	134.949.233.153	120.948.465.423



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc

Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non.
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng;
- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long (ngừng hoạt động từ cuối tháng 5 năm 2014 theo Nghị quyết hội đồng quản trị);
- Xí nghiệp xây dựng và chế biến gỗ Phước Trung (ngừng hoạt động từ cuối năm 2013 theo Nghị quyết hội đồng quản trị);

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su, nông sản, thức ăn gia súc.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, số lượng công nhân viên của Công ty là 633 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 685 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

133
CH
ÔNG
KIẾ
T
TẠI T
/ -

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

3.5 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 5 đến 20 năm.

3.6 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí vật tư, công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong khoảng thời gian từ 1 đến 2 năm.

3.7 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.8 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.10 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong kỳ tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.13 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đồng
Bà Châu Thị Hồng Diệp	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đồng
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.448.249.361	1.232.057.079
Tiền gửi ngân hàng - VND	33.448.089.078	28.235.572.782
Tiền gửi ngân hàng - USD	52.894.714	52.867.691
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	100.000.000.000	110.000.000.000
	134.949.233.153	139.520.497.552

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 2.509,83 USD tương đương với 52.894.714 VND.

Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 5,70%/năm.

4.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

		30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại	(a)	12.827.054.837	27.060.328.310
Ứng trước cho nhà cung cấp - Bên thứ ba		491.000.000	79.394.993
Phải thu khác	(b)	2.788.798.396	2.962.970.685
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(c)	(4.937.000.000)	(4.937.000.000)
		11.169.853.233	25.165.693.988

(a) Phải thu thương mại

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại – Bên thứ ba	12.792.397.277	27.036.187.970
Phải thu thương mại – Bên liên quan (thuyết minh 8.1)	34.657.560	24.140.340
	12.827.054.837	27.060.328.310

Trong đó bao gồm 4.219.180.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân ("DNTN") Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và đã được lập dự phòng khó đòi.

(b) Trong đó bao gồm 717.820.000 VND là khoản trả trước cho DNTN Phát Hưng từ năm 2006 và đã được lập dự phòng.

(c) Tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	4.937.000.000	6.366.898.999
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	-	(1.429.898.999)
Số dư cuối kỳ/năm	4.937.000.000	4.937.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

4.3 Hàng tồn kho	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên vật liệu	3.776.515.507	2.770.918.852
Công cụ dụng cụ	2.149.768.113	585.438.559
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.273.549.039	141.601.806
Thành phẩm	13.632.208.901	29.039.833.187
Hàng hóa	2.230.000	2.230.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	20.834.271.560	32.540.022.404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.043.240.423)	-
Giá trị thuần	19.791.031.137	32.540.022.404

Tình hình trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập trong kỳ/năm	1.043.240.423	-
Số dư cuối kỳ/năm	1.043.240.423	-

4.4 Chi phí trả trước ngắn hạn	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí phát sinh ngoài vụ	6.713.578.099	-

Trong đó chủ yếu bao gồm: chi phí khấu hao, tiền thuê đất và chi phí khác phát sinh ngoài vụ (6 tháng đầu năm 2014), các chi phí này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh trong vụ (6 tháng cuối năm 2014).

4.5 Thuế		30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>			
Tiền thuê đất (tạm nộp)	(*)	11.227.243.354	11.008.079.226
Thuế tài nguyên (nộp thừa)		3.727.500	4.531.020
		11.230.970.854	11.012.610.246

(*) : Đây là tiền thuê đất tạm nộp từ năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đối với 2.082 ha đất nông nghiệp dựa trên đơn giá cho thuê đất tạm tính theo quy định của Nhà Nước do hiện nay Công ty vẫn chưa hoàn tất việc quyết toán tiền thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>		30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân		1.053.722	43.227.445
Thuế GTGT hàng bán nội địa		342.227.493	852.224.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.912.640.205	1.303.995.836
		2.255.921.420	2.199.448.190

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng nhân viên	359.687.634	214.869.893
Ký quỹ thuê xe	485.000.000	480.000.000
	844.687.634	694.869.893

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa vật kiến trúc VND</i>	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Dụng cụ quản lý VND</i>	<i>Vườn cây cao su VND</i>	<i>Cộng VND</i>
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2014	37.343.023.635	21.097.911.949	3.653.103.507	1.092.022.340	63.926.906.183	127.112.967.614
Tăng từ XDCB	2.304.330.149	-	-	-	-	2.304.330.149
Thanh lý	-	(172.570.380)	-	-	(5.971.994.195)	(6.144.564.575)
Số dư 30/06/2014	39.647.353.784	20.925.341.569	3.653.103.507	1.092.022.340	57.954.911.988	123.272.733.188
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2014	25.978.457.904	11.262.095.438	3.393.552.327	1.017.456.783	19.786.798.171	61.438.360.623
Khấu hao	1.138.888.844	965.412.007	49.324.345	14.783.038	1.292.907.609	3.461.315.843
Thanh lý	-	(172.570.380)	-	-	(3.972.723.862)	(4.145.294.242)
Số dư 30/06/2014	27.117.346.748	12.054.937.065	3.442.876.672	1.032.239.821	17.106.981.918	60.754.382.224
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2014	11.364.565.731	9.835.816.511	259.551.180	74.565.557	44.140.108.012	65.674.606.991
Ngày 30/06/2014	12.530.007.036	8.870.404.504	210.226.835	59.782.519	40.847.930.070	62.518.350.964

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.406.071.701 VND (31 tháng 12 năm 2013 là 24.462.364.950 VND).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý tại Nhà máy thức ăn gia súc Hưng Long là 2.520.184.080 VND.

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi lần lượt là 309.851.108 VND, 256.338.443 VND và 53.512.665 VND.

Trong kỳ, Công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường cao su Hòa Bình 2 chi tiết như sau :

<i>Nông trường</i>	<i>Số lượng cây</i>	<i>Nguyên giá VND</i>	<i>Giá trị hao mòn lũy kế VND</i>	<i>Giá trị còn lại VND</i>
- Hòa Bình 2	32.056	5.971.994.195	3.972.723.862	1.999.270.333

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2014	Tăng	Kết chuyển TSCĐ	30/06/2014
	VND	VND	VND	VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	25.560.080.985	2.493.661.184	-	28.053.742.169
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	8.178.858.243	692.315.070	-	8.871.173.313
Chi phí xây dựng cơ bản khác	2.427.803.645	212.385.454	(2.304.330.149)	335.858.950
	36.166.742.873	3.398.361.708	(2.304.330.149)	37.260.774.432

4.9 Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của Công ty này.

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	233.524.673	479.702.009

4.11 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công nợ thâm canh cà phê	247.426.902	247.426.902

Đây là khoản công nợ thâm canh cà phê nhận bán giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.12 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả cho người bán – bên thứ ba	3.031.581.351	3.828.597.534
Phải trả cho người bán – bên liên quan (thuyết minh 8.1)	40.550.400	-
Người mua trả trước – bên thứ ba	632.600.000	632.600.000
	3.704.731.751	4.461.197.534

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

4.13 Chi phí phải trả

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí ăn giữa ca	-	194.790.000
Chi phí thuê đất (*)	13.718.609.183	11.673.052.004
Trợ cấp thôi việc	1.107.838.125	-
Chi phí khác	295.000.000	555.000.000
	15.121.447.308	12.422.842.004

(*) : Đây là khoản tiền thuê đất ước tính phải trả cho Nhà nước đối với đất nông nghiệp thuê với diện tích ước tính khoảng 2.082 ha trên cơ sở đơn giá cho thuê đất theo quy định từ khi chuyển sang công ty cổ phần, do hiện nay Công ty vẫn chưa hoàn tất việc quyết toán tiền thuê đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4.14 Phải trả khác

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Cổ tức phải trả	1.139.998.268	1.149.647.268
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	409.666.315	453.063.008
Phải trả khác	542.944.431	451.928.794
	2.092.609.014	2.054.639.070

4.15 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	3.541.219.287	2.811.907.677
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	4.721.800.308	9.500.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(5.627.035.626)	(8.770.688.390)
Số dư cuối kỳ/năm	2.635.983.969	3.541.219.287

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

4.16 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2013	192.500.000.000	49.492.432.100	9.531.062.057	79.083.643.176	330.607.137.333
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	34.209.983.341	34.209.983.341
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	16.251.493.282	3.000.000.000	(19.251.493.282)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	(500.000.000)	-	(9.000.000.000)	(9.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Số dư 31/12/2013	192.500.000.000	65.243.925.382	12.531.062.057	45.942.133.235	316.217.120.674
Kỳ này					
Số dư 01/01/2014	192.500.000.000	65.243.925.382	12.531.062.057	45.942.133.235	316.217.120.674
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.262.817.057	11.262.817.057
Tăng khác	-	-	-	286.495.470	286.495.470
Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính	-	5.879.181.497	1.573.933.436	(7.453.114.933)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.721.800.308)	(4.721.800.308)
Chia cổ tức	-	-	-	(26.950.000.000)	(26.950.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	(629.573.374)	(629.573.374)
Số dư 30/06/2014	192.500.000.000	71.123.106.879	14.104.995.493	17.736.957.147	295.465.059.519

Trong kỳ, các quỹ Đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính và Khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 16 tháng 4 năm 2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ/năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ/năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong kỳ/năm	26.950.000.000	38.500.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 16 tháng 4 năm 2014, cổ tức năm 2013 được chia theo tỷ lệ 14% (2012: 20%).

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mũ cao su	22.902.392.400	42.645.125.600
Doanh thu bán nhân điều, điều thô	-	11.987.938.337
Doanh thu bán thức ăn gia súc	2.633.648.546	9.997.454.915
Doanh thu sản xuất và gia công đồ gỗ	-	6.220.644.440
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	5.328.620.000	2.621.158.200
	30.864.660.946	73.472.321.492
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	30.864.660.946	73.472.321.492

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

5.2 Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn bán mủ cao su	22.978.073.586	33.486.571.778
Giá vốn bán nhân điều, điều thô	-	11.580.814.843
Giá vốn thực ăn gia súc	3.196.753.308	9.753.393.752
Giá vốn sản xuất và gia công đồ gỗ	-	5.626.353.325
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	4.121.185.186	3.232.101.117
	30.296.012.080	63.679.234.815

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	935.549.374	22.765.429.242
Chi phí nhân công	5.738.695.194	9.885.525.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.373.844.384	3.192.869.809
Chi phí dụng cụ sản xuất	251.926.016	322.193.146
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.043.240.423	-
Chi phí gia công	3.085.200.199	2.173.352.443
Chi phí khác	3.591.879.437	2.909.829.235
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	(1.131.947.233)	(1.410.526.306)
Chênh lệch thành phẩm đầu kỳ và cuối kỳ	15.407.624.286	23.840.561.386
	30.296.012.080	63.679.234.815

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.218.605.285	6.223.230.493
Cổ tức được chia	4.491.335.261	1.201.921.700
	8.709.940.546	7.425.152.193

5.4 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí bốc xếp	31.519.338	79.053.737
Chi phí khuyến mãi	62.376.405	-
	93.895.743	79.053.737

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.872.161.169	2.324.680.233
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	66.887.250	51.755.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.947.421	133.037.772
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	21.638.154
Trợ cấp thôi việc	1.201.845.875	381.546.225
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.129.898.999)
Chi phí quảng cáo	19.090.909	15.090.909
Chi phí tiếp khách	102.156.153	124.076.894
Chi phí điện thoại	44.715.289	41.347.096
Chi phí thuê xe	334.193.137	368.291.141
Chi phí khác	802.372.297	679.311.845
	4.572.369.500	3.010.876.725

5.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu thanh lý cây cao su	10.500.903.600	33.486.328.000
Thu thanh lý tài sản cố định	42.000.000	1.750.000
Thu khác	336.712.428	298.070.927
	10.879.616.028	33.786.148.927

5.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.999.270.333	5.627.088.965
Chi phí thanh lý tài sản	46.818.182	12.193.280.000
Chi phí khác	258.087.121	228.411.492
	2.304.175.636	18.048.780.457

3337
 CHI N
 JNG T
 KIỂM
 B
 (TP. H
 7 - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	13.187.764.561	29.865.676.878
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
Chi phí không được khấu trừ	53.332.079	51.294.632
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	(4.491.335.261)	(1.201.921.700)
Lợi nhuận tính thuế	8.749.761.379	28.715.049.810
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (25%x50%)	-	2.595.964.522
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (năm 2014: 22%, năm 2013: 25%)	1.924.947.504	1.986.833.410
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.924.947.504	4.582.797.932

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.262.817.057	25.282.878.946
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.250.000 CP	19.250.000 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	585 VND/CP	1.313 VND/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su, nông sản, thực phẩm gia súc, gỗ

Kết quả kinh doanh cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Thực phẩm gia súc		Gỗ		Cộng	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
Doanh thu bán cho bên ngoài	22.902	42.645	5.329	14.609	2.634	9.997	-	6.221	30.865	73.472
Giá vốn	(22.978)	(33.487)	(4.121)	(14.813)	(3.197)	(9.753)	-	(5.626)	(30.296)	(63.679)
Chi phí bán hàng	(7)	(22)	(10)	(13)	(77)	(43)	-	-	(94)	(78)
Kết quả bộ phận	(83)	9.136	1.198	(217)	(640)	201	-	595	475	9.715
Chi phí không phân bổ									(4.572)	(3.011)
Doanh thu tài chính	8.575	15.737							8.710	7.425
Lợi nhuận khác									8.575	15.737
Thuế TNDN									(1.925)	(4.583)
Lợi nhuận sau thuế									11.263	25.283
Chi phí mua sắm tài sản	2.304	4.609							2.304	4.609
Chi phí khấu hao	2.900	2.705	204	222	342	436			3.446	3.363

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 1 tháng 1 năm 2014

Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Thực phẩm gia súc		Gỗ		Cộng	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản bộ phận	310.405	320.537	4.489	14.383	6.629	9.007	-	4.139	321.523	348.066
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	310.405	320.537	4.489	14.383	6.629	9.007	-	4.139	321.523	348.066
Nợ phải trả bộ phận	23.387	28.873	375	56	2.296	2.919	-	-	26.058	31.848
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	23.387	28.873	375	56	2.296	2.919	-	-	26.058	31.848

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	134.949	139.520	134.949	139.520
Đầu tư ngắn hạn	10.000	10.000	10.000	10.000
Phải thu khách hàng	8.608	22.123	8.608	22.123
Phải thu khác	2.071	2.963	1.899	2.963
	155.628	174.606	155.456	174.606
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.072	3.829	3.072	3.829
Các khoản phải trả khác	16.074	13.328	16.074	13.328
	19.146	17.157	19.146	17.157

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 1 tháng 1 năm 2014. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn		
Bán cây cao su thanh lý	63.470.000	6.800.760.000
Chi phí cưa, cắt cây cao su thanh lý	-	12.193.280.000
Châu Thị Hồng Điệp		
Gia công mủ	10.016.400	6.459.123
Công ty TNHH Lê Danh		
Mua nhiên liệu	437.904.620	556.681.818

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Châu Thị Hồng Điệp		
Phải thu thương mại	34.657.560	24.140.340
Công ty TNHH Lê Danh		
Phải trả thương mại	40.550.400	-

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau :

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>1.099.832.160</u>	<u>2.989.069.185</u>

Chức

nhu



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
 Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
 Tổng Giám đốc
 Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2014